

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 05-4-2022

*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung và cấp dưỡng nuôi con*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phú

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Danh

Ông Nguyễn Thái Hoà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân  
thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên  
tòa:** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh  
Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý:  
2117/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp  
ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXX-  
ST ngày 24/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-HNGĐ  
ngày 21/3/2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: 142, khu phố 11, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh  
Đồng Nai.

*2. Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: tổ 15, khu 1B, phường V, quận L, thành phố Hải  
Phòng.

Địa chỉ tạm trú: 142, khu phố 11, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh  
Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Lê Ngọc T trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị Thu Tr chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97/2018, ngày 10/4/2018. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau để trao đổi giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể giải quyết được. Do vậy đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Anh xác định mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho anh ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Anh và chị Tr có 01 con chung tên Lê Thuỷ T, sinh ngày 20/5/2019. Ly hôn anh yêu cầu giao cháu T cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr đã được Tòa án xác minh địa chỉ cư trú tại Công an phường T, thành phố Biên Hòa, theo nội dung văn bản xác minh: “Bà Nguyễn Thị Thu Tr có đăng ký tạm trú tại 142, khu phố 11, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay bà Tr đang sinh sống tại địa chỉ trên”. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Tr theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, chị Tr vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ được thông qua tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị Tr, về con chung đề nghị giao cháu Lê Thuỷ T cho chị Tr nuôi dưỡng, anh T

tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp nên ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: anh T khai không có, chị Tr không có lời khai nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Anh Lê Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Thu Tr. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh T là nguyên đơn, chị Tr là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; chị Nguyễn Thị Thu Tr có địa chỉ thường trú tại tổ 15, khu 1B, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng hiện đang cư trú tại phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn anh Lê Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr được niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, chị Tr vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị Tr theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị Thu Tr chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97/2018, ngày 10/4/2018. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của anh T và chị Tr là hợp pháp.

Kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị Thu Tr ngày 23/12/2021, Ủy ban nhân dân phường T cung cấp: “Về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu Tr địa phương không nắm rõ do các đương sự không có đơn trình báo yêu cầu địa phương can thiệp, hoà giải. Đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của các đương sự để giải quyết vụ án”.

Đối với chị Tr, theo kết quả xác minh tại Công an phường T xác định chị Tr có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: 142, khu phố 11, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay chị Tr đang sinh sống tại địa chỉ trên. Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Tr vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy chị Tr có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của hai người, không có ý định hòa giải, đoàn tụ. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh T và chị Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Anh T khai anh và chị Tr có 01 con chung là cháu Lê Thuỷ T, sinh ngày 20/5/2019. Ly hôn anh T yêu cầu giao cháu T cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy: Chị Nguyễn Thị Thu Tr không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của chị Tr về vấn đề con chung. Tuy nhiên, căn cứ vào **lời khai của anh T hiện nay cháu T đang do chị Tr trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, mặt khác cháu T còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên** giao cháu Lê Thuỷ T cho chị Tr tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận yêu cầu của anh T, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu T cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T trưởng thành và có khả năng lao động. Xét thấy, chị Tr không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên để đảm bảo quyền lợi của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Ngọc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Khi điều kiện về nuôi con thay đổi, các đương sự có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp.

[4.3] Về tài sản chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4.4] Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 68, Khoản 4 Điều 147, 220, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Ngọc T đối với chị Nguyễn Thị Thu Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu Tr.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thuỷ T, sinh ngày 20/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Thu Tr trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Lê Ngọc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Thuỷ T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không không đặt ra xem xét.

2. Về án phí:

- Anh Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng

(ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000529 ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, anh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Anh Lê Ngọc T, chị Nguyễn Thị Thu Tr được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Phú**